

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 18/CT-UBND CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH THÁNG 02/2023
ĐỐI VỚI CẤP XÃ THUỘC UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày / /2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số xã, phường, thị trấn	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong tháng		Số hồ sơ đã giải quyết trong tháng							Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết					Lũy kế hồ sơ đã giải quyết từ đầu năm								
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Giải quyết trước hạn	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
				Số hồ sơ chưa giải quyết của tháng trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong tháng			Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa		Số hồ sơ trong thời hạn giải quyết	Số hồ sơ quá hạn giải quyết	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử		Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	Giải quyết trước hạn	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) (3)=(6)+(13)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)=(20)+(21)+(22)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	
	Tổng số	184	40.586	579	40.007	39.951	30.311	9.616	24	24	24	24	635	626	9	4	4	4	82.377	56.287	26.000	90	55	55	55
1	UBND Tp Buôn Ma Thuột	21	4.947	73	4874	4.899	4204	695	0	0	0	0	48	48	0	0	0	0	10.748	8992	1756	0	0	0	0
2	UBND Thị xã Buôn Hồ	12	1.175	14	1161	1.162	864	298	0	0	0	0	13	13	0	0	0	0	2.332	1723	609	0	0	0	0
3	UBND huyện Krông Ana	8	3.268	64	3204	3.135	3114	18	3	3	3	3	133	133	0	0	0	0	5.170	5130	36	4	4	4	4
4	UBND huyện Krông Năng	12	3.441	0	3441	3.417	3231	186	0	0	0	0	24	24	0	0	0	0	5.184	4950	234	0	0	0	0
5	UBND huyện Krông Búk	7	1.125	34	1091	1.087	1085	2	0	0	0	0	38	38	0	0	0	0	2.216	2200	8	8	1	1	1
6	UBND huyện Cư M'gar	17	2.989	72	2917	2.933	2850	76	7	7	7	7	56	56	0	0	0	0	5.177	5018	129	30	7	7	7
7	UBND huyện Cư Kuin	8	3.588	8	3580	3.576	461	3115	0	0	0	0	12	12	0	0	0	0	13.073	637	12427	9	9	9	9
8	UBND huyện Ea Súp	10	2.943	0	2943	2.943	2930	7	6	6	6	6	0	0	0	0	0	0	5.386	5370	10	6	6	6	6
9	UBND huyện Lắk	11	1.251	36	1215	1.136	1010	126	0	0	0	0	115	112	3	3	3	3	2.359	2094	263	2	2	2	2
10	UBND huyện Ea H'leo	12	1.576	19	1557	1.512	1497	15	0	0	0	0	64	63	1	1	1	1	2.768	2737	29	2	2	2	2
11	UBND huyện Ea Kar	16	2.950	21	2929	2.933	1855	1077	1	1	1	1	17	17	0	0	0	0	4.807	3700	1106	1	1	1	1
12	UBND huyện M'Drăk	13	1.176	0	1176	1.176	0	1169	7	7	7	7	0	0	0	0	0	0	2.070	0	2051	19	19	19	19
13	UBND huyện Krông Pắc	16	3.552	8	3544	3.548	1226	2322	0	0	0	0	4	4	0	0	0	0	7.735	2512	5223	0	0	0	0
14	UBND huyện Krông Bông	14	3.229	110	3119	3.175	3137	38	0	0	0	0	54	53	1	0	0	0	6.109	6034	71	4	4	4	4
15	UBND huyện Buôn Đôn	7	3.376	120	3256	3.319	2847	472	0	0	0	0	57	53	4	0	0	0	7.243	5190	2048	5	0	0	0